

Số: /2025/TT-BNV

Hà Nội, ngày tháng năm 2025

THÔNG TƯ

Sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Thông tư số 09/2005/TT-BNV ngày 05 tháng 01 năm 2005 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện chế độ phụ cấp đặc biệt đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang

Căn cứ Nghị định số 204/2004/NĐ-CP ngày 14 tháng 12 năm 2004 của Chính phủ về chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang;

Căn cứ Nghị định số 25/2025/NĐ-CP ngày 21 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nội vụ;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Tiền lương và Bảo hiểm xã hội;

Bộ trưởng Bộ Nội vụ ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Thông tư số 09/2005/TT-BNV ngày 05 tháng 01 năm 2005 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện chế độ phụ cấp đặc biệt đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang.

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ một số khoản, Mục và Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 09/2005/TT-BNV ngày 05 tháng 01 năm 2005 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện chế độ phụ cấp đặc biệt đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang (sau đây gọi tắt là Thông tư số 09/2005/TT-BNV)

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Mục I như sau:

“1. Sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, hạ sĩ quan, binh sĩ, chiến sĩ, cán bộ, công chức, viên chức, người lao động đã được xếp lương theo bảng lương do Nhà nước quy định, công nhân trong biên chế của các cơ quan, đơn vị thuộc Quân đội nhân dân Việt Nam, Công an nhân dân và tổ chức cơ yếu”.

2. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Mục I như sau:

“2. Cán bộ, công chức, viên chức và lao động hợp đồng (bao gồm cả trường hợp đang trong thời gian tập sự) đã được xếp lương theo bảng lương do Nhà nước quy định làm việc trong các cơ quan nhà nước, các đơn vị sự nghiệp của Nhà nước, các hội và các tổ chức phi chính phủ được cấp có thẩm quyền quyết định thành lập”.

3. Thay thế “Phụ lục danh sách các địa bàn đảo xa đất liền và vùng biên giới được áp dụng phụ cấp đặc biệt” ban hành kèm theo Thông tư số 09/2005/TT-BNV” bằng “Phụ lục danh sách các địa bàn được áp dụng phụ cấp đặc biệt” ban hành kèm theo Thông tư này.

4. Bãi bỏ khoản 3 Mục I.

Điều 2. Điều khoản thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2026.

2. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Văn phòng Trung ương Đảng và các Ban Đảng ở Trung ương;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Chính phủ;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ủy ban TW Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL (Bộ Tư pháp);
- Sở Nội vụ các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Công báo;
- Công thông tin điện tử Bộ Nội vụ;
- Bộ trưởng và các Thứ trưởng;
- Các đơn vị thuộc và trực thuộc Bộ Nội vụ;
- Lưu: VT, CTL&BHXH (15).

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Nguyễn Mạnh Khương

PHỤ LỤC
DANH SÁCH CÁC ĐỊA BÀN ĐƯỢC ÁP DỤNG PHỤ CẤP ĐẶC BIỆT
(Ban hành kèm theo Thông tư số /2025/TT-BNV ngày tháng năm 2025
của Bộ trưởng Bộ Nội vụ)

STT	TÊN ĐỊA BÀN (tỉnh, xã, đơn vị)	MỨC PHỤ CẤP
I	TỈNH TUYỀN QUANG	
1	Các xã: Sơn Vĩ, Bản Máy.	100%
2	Các xã: Đồng Văn, Lũng Cú, Phố Bàng, Sà Phìn, Bạch Đích, Thảng Mố, Tùng Vài, Nghĩa Thuận, Cán Tỷ, Xín Mần, Pà Vây Sủ, Minh Tân, Lao Chải, Thanh Thủy, Thàng Tín.	50%
II	TỈNH CAO BẰNG	
1	Các đồn biên phòng: Xuân Trường, Cô Ba, Cốc Pàng, Đại đội cơ động thuộc Tiểu đoàn huấn luyện – Cơ động.	50%
2	- Các xã: Hạ Lang, Tổng Cột, Lũng Nặm. - Các đồn biên phòng: Quang Long, Càn Yên, Ngọc Côn, Đàm Thủy, Ngọc Chung, Đức Long, cửa khẩu Lý Vạn, cửa khẩu Sóc Giang, cửa khẩu Trà Lĩnh, cửa khẩu quốc tế Tà Lùng.	30%
III	TỈNH LAI CHÂU	
1	Các xã: Pa Ủ, Thu Lũm.	100%
2	Các xã: Đào San, Sỉ Lờ Lầu, Pa Tẩn, Hua Bum, Mù Cả, Bum Nưa.	50%
3	Các xã: Sin Suối Hồ, Khổng Lào, Phong Thổ.	30%
IV	TỈNH LÀO CAI	
1	Các xã: A Mú Sung, Y Tý, Si Ma Cai, Mường Khương, Pha Long.	50%
2	- Xã Trịnh Tường. - Các Đồn biên phòng: Bát Xát, Bản Lầu.	30%
V	TỈNH ĐIỆN BIÊN	
1	Các xã: Mường Nhé, Sín Thầu.	100%
2	Các xã: Nậm Kè, Quảng Lâm.	50%

3	Các xã: Na Sang, Mường Chà, Nà Hỳ, Nà Búng, Si Pa Phìn, Mường Pồn, Mường Nhà, Thanh Yên, Sam Mứn, Thanh Nưa, Núa Ngam.	30%
VI	TỈNH LẠNG SƠN	
1	Đồn biên phòng Bắc Xa.	50%
2	- Xã Mẫu Sơn. - Các Đồn biên phòng: Thanh Lòa, Ba Sơn, Na Hình, Bình Nghi, Pò Mã, Chi Lăng.	30%
VII	TỈNH SƠN LA	
1	Các xã: Mường Lèo, Mường Lạn, Sốp Cộp, Púng Bính.	50%
2	Các xã: Phiêng Khoài, Lóng Phiêng, Yên Sơn, Lóng Sập, Chiềng Sơn, Xuân Nha, Chiềng Khoong, Chiềng Khương, Mường Hung, Phiêng Păn.	30%
VIII	TỈNH QUẢNG NINH	
1	Đảo Trần (thuộc đặc khu Cô Tô).	50%
2	- Các xã: Vĩnh Thục, Cái Chiên, Đường Hoa. - Đặc khu Cô Tô. - Các đơn vị khác: Đảo Bản Sen, Quan Lạn, Minh Châu, Thắng Lợi, Ngọc Vũng thuộc đặc khu Vân Đồn. - Các đồn biên phòng: Bắc Sơn, Pò Hèn, Quảng Đức, Hoàng Mô, Trạm 6 – Vô Ngại (thuộc xã Bình Liêu).	30%
IX	THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG	
1	Đặc khu Bạch Long Vĩ.	50%
2	Trạm kiểm soát Biên phòng Long Châu thuộc Đồn biên phòng Cát Bà.	30%
X	TỈNH THANH HÓA	
1	Các xã: Mường Chanh, Pù Nhi, Quang Chiêu, Trung Lý, Tam Chung, Nhi Sơn, Mường Lát, Yên Khương, Na Mèo, Sơn Thủy, Bát Mọt.	30%
XI	TỈNH NGHỆ AN	
1	Các xã: Mỹ Lý, Bắc Lý, Keng Đu, Na Loi, Mường Típ, Na Ngòi, Tam Thái, Nhôn Mai.	50%
2	- Các xã: Thông Thụ, Tri Lễ, Quế Phong, Môn Sơn, Châu Khê, Mường Xén, Nậm Cắn, Bình Chuẩn. - Các đơn vị khác: Địa bàn 06 bản thuộc xã Tiên Phong (gồm: Cóm, Chấm Pụt, Khóm, Bản Mọt, Ná Sái, Hủa	30%

	Mường); Địa bàn 03 bản thuộc xã Tam Quang (gồm: Tân Hương, Tùng Hương, Liên Hương).	
XII	TỈNH HÀ TĨNH	
1	Các Đồn biên phòng: Hương Quang, Hòa Hải, Sơn Hồng, Bản Giàng, Phú Gia, cửa khẩu Quốc tế Cầu Treo.	30%
XIII	TỈNH QUẢNG TRỊ	
1	- Các xã: Dân Hóa, Kim Phú, Kim Điền, Thượng Trạch, Kim Ngân, Trường Sơn, A Dơi, Lìa, Hướng Phùng, Hướng Lập, Đakrông, La Lay, Tà Rụt. - Đặc khu Cồn Cỏ.	50%
XIV	THÀNH PHỐ HUẾ	
1	Các xã: A Lưới 3, A Lưới 4.	50%
2	- Đảo Sơn Chà thuộc xã Chân Mây – Lăng Cô. - Các Đồn biên phòng: Hồng Vân, Hương Nguyên.	30%
XV	THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG	
1	Các xã: Hùng Sơn, Tây Giang, A Vương, La Dêê, Đắc Pring, La Êê.	50%
2	- Xã Tân Hiệp. - Đồn biên phòng Cù Lao Chàm.	30%
XVI	TỈNH QUẢNG NGÃI	
1	- Các xã: Ia Toi, Ia Đal, Đắc Plô, Đắc Long, Bờ Y, Mô Rai. - Các Đồn biên phòng: Sa Loong, Dục Nông, Rờ Koi.	50%
2	- Xã Rờ Koi. - Đặc khu Lý Sơn.	30%
XVII	TỈNH GIA LAI	
1	Các xã: Ia Púch, Ia Mơ, Ia Chia, Ia O, Ia Pnôn, Ia Dom, Ia Nan.	50%
2	Các xã: Đức Cơ, Ia Dok.	30%
XVIII	TỈNH ĐẮK LẮK	
1	Các Đồn biên phòng: Ea H'leo, Ia Rvê, Yok Mbre, Sê Rê Pốk, Bo Heng, Yok Đôn, cửa khẩu Đắc Ruê.	50%
2	Các xã: Ia Rvê, Ia Lốp, Buôn Đôn.	30%
XIX	TỈNH KHÁNH HÒA	
1	Đặc khu Trường Sa.	100%

XX	TỈNH LÂM ĐỒNG	
1	Các xã: Đắc Wil, Thuận An, Thuận Hạnh, Quảng Trục, Tuy Đức.	50%
2	Đặc khu Phú Quý.	30%
XXI	TỈNH ĐỒNG NAI	
1	Các xã: Bù Gia Mập, Xã Đak Ô.	50%
2	Các Đồn biên phòng: Lộc Thiện, Lộc Thành, Phước Thiện, cửa khẩu Lộc Thịnh.	30%
XXII	THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	
1	Nhà giàn DK1.	100%
2	Đặc khu Côn Đảo.	50%
XXIII	TỈNH KIÊN GIANG	
1	Đặc khu Thổ Châu.	50%
2	- Các xã: Tiên Hải, Hòn Nghệ, Sơn Hải, Giang Thành, Vĩnh Điều. - Phường Hà Tiên. - Các đặc khu: Kiên Hải, Phú Quốc.	30%
XXIV	TỈNH CÀ MAU	
1	Cụm đảo: Hòn Khoai (thuộc xã Đất Mũi), Hòn Chuối (thuộc xã Sông Đốc).	30%
XXV	ĐỊA BÀN KHÁC	
1	Vùng biển Việt Nam (lực lượng trực tiếp thực hiện nhiệm vụ trên biển thuộc Bộ Quốc phòng).	100%
2	Vùng biển Việt Nam (lực lượng trực tiếp thực hiện nhiệm vụ trên biển thuộc Bộ Nông nghiệp và Môi trường).	50%